TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-4-2024
V/v "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào;

2. Ông Nguyễn Thanh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2023/TLHNGĐ-ST ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05a/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm: 1984. Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm: 1986. Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Tây Ninh; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành T1 chung sống và tổ chức lễ cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Tây Ninh vào ngày 12 tháng 11 năm 2022. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T1 thường xuyên uống rượu, về nhà có

những lời nói không tôn trọng chị, cho rằng chị không chung thủy, ngoại tình với người khác. Riêng anh T1 không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và chị phát hiện thông qua tin nhắn điện thoại của anh T1. Ngoài, ra anh T1 không lo cho gia đình, tiền làm được tự tiêu xài cá nhân, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình do chị gánh vác dẫn đến vợ chồng cãi vả nhau, anh T1 đánh đập chị và ly thân nhau. Từ sau ngày ly thân, chị và anh T1 có gặp nhau để đoàn tụ vợ chồng nhưng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả nhau nên dẫn đến tính cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Anh chị có một con cung là cháu Nguyễn Phúc Quyết T2, sinh ngày 02-02-2023 hiện do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành T1:*

Quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt và niêm yết triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Anh T1 vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày ý kiến gởi đến Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Anh T1 đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là đúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N đối với anh Nguyễn Thành T1; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc Quyết T2, sinh ngày 02-02-2023 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu Anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết. Về án phí, chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và

qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết, Anh T1 đã bỏ địa phương không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú do đó có cơ sở anh T1 cố tình che giấu địa chỉ. Đồng thời Anh T1 đã được Tòa án niêm yết, cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng Anh T1 vắng mặt phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên áp dụng điểm e khoản 1 Điều 192 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và Anh T1 kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đã được UBND xã N, huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 12/11/2022 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét lời trình bày của chị N thấy rằng: sau khi anh chị kết hôn, thì cả hai chung sống tại nhà chị N được 01 năm thì cả hai về nha anh T1 chung sống đến tháng 9-2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 không lo cho gia đình, không tôn trọng chị, có những lời lẽ không tôn trọng và nghi ngờ sự chung thủy của nhau, dẫn đến anh chị cãi nhau, anh T1 đánh chị N, chị N bỏ về nhà mẹ ruột sống và ly thân từ tháng 9-2023 đến nay, vì tình cảm vẫn còn, chị N muốn đoàn tụ nhưng cả hai không có tiếng nói chung dẫn đến tính cảm vợ chồng không còn, ngược lại đối với anh T1, kết quả xác minh tại địa phương cho thấy anh T1 không thường xuyên có mặt tại địa phương, anh được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải về hôn nhân và đến khi xét xét xử anh T1 vẫn vắng mặt, không trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân.

Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trình bày của chị N và xác định hôn nhân của anh chị không còn tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét xử cho anh chị được ly hôn.

[2.2] Về con chung:

Chị N và Anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc Quyết T2, sinh ngày 02-02-2023.

Xét thấy, từ ngày anh chị ly thân, cháu T2 do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tâm tư tình cảm của cháu T2 gắn liền với chị N, hơn nữa hiện nay cháu T2 chưa đủ 02 tuổi. Để đảm bảo về nhu cầu vật chất, tinh thần và quyền lợi của cháu con chung, chị N yêu cầu được nuôi cháu T2 sau khi ly hôn, xét yêu cầu của chị N phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T2 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Về cấp dưỡng, chị N không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử ghi nhận

Về quyền thăm con chung sau khi ly hôn: Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có, không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Phạm Thị N đối với Anh Nguyễn Thành T1.

Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thành T1; Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Thành T1 không còn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc Quyết T2, sinh ngày 02-02-2023 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị Phạm Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Thành T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thành T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0025971 ngày 23-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương nơi có trụ sở.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THA G;
- UBND thị trấn G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Trang